

chiến sĩ binh công xưởng với khẩu cối 81 ly vừa chế tạo từ hướng Bửu Long vào Sở Cải (ngã ba Cây Chàm, Biên Hòa) xây dựng trận địa. Cùng lúc trung đội 5 (Lê Thoa chỉ huy), từ bến đò An Hảo vượt sông Đồng Nai vào ém quân ở khu vực đài Kỷ niệm, đột nhập đốt cháy phòng thông tin của địch ở chợ Biên Hoà và rải truyền đơn của Việt Minh kêu gọi nhân dân nội thành tham gia ủng hộ kháng chiến. Trung đội 1 Đại đội A (Nguyễn Ngọc Ngộ chỉ huy) phục kích ở khu vực chòm mã ngã ba Dốc Sỏi chặn viện binh Pháp từ sân bay ra. 15 quả đạn cối 81 ly đã bắn vào thành Săng Đá của Pháp, gây nổ và tạo thành những cột lửa cao cháy sáng rực một góc thành. Cùng lúc phòng thông tin ở chợ Biên Hoà bị thiêu rụi, trạm canh trước dinh tỉnh trưởng Biên Hoà bị tấn công và đốt cháy. Nhân dân Biên Hoà vô cùng phấn khởi.

Trận tấn công thị xã Biên Hoà lần thứ hai thể hiện ý chí quyết tâm của Đảng bộ, quân dân Biên Hoà thực hiện sự chỉ đạo của Tổng chỉ huy cùng cả nước bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc; đồng thời là trận đánh kỷ niệm một năm ngày quân dân Biên Hoà tấn công thị xã (1-1-1946) lần thứ nhất và cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân Biên Hoà.

## **II. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ VIÊN TRONG CÁC TỔ CHỨC VŨ TRANG CỦA TỈNH (1947-1948)**

### **1. Xây dựng hệ thống cơ quan chính trị và phát triển đội ngũ đảng viên**

Từ khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ đến giữa

tháng 7 năm 1947, các lực lượng vũ trang Biên Hòa đã liên tục chống địch càn quét vào căn cứ chiến khu Đ và các vùng du kích ở Bình Đa, Bến Gỗ, Xuân Lộc và các vùng cao su. Tuy nhiên do thiếu sự lãnh đạo của Đảng, nên trong lực lượng vũ trang, nhất là ở các Ban công tác liên thôn đã xảy ra nhiều tiêu cực, mâu thuẫn không cần thiết giữa vũ trang với các cấp hành chính từ cơ sở. Thực tế này đặt ra vấn đề cần thiết phải đẩy mạnh việc xây dựng Đảng trong các lực lượng vũ trang, tăng cường công tác chính trị, tư tưởng trong cán bộ, chiến sĩ.

Ngày 28 tháng 8 năm 1947, Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ ra chỉ thị “phát triển Đảng”. Chỉ thị nhấn mạnh: “Trong tình thế hiện nay, phải gấp rút phát triển Đảng đối với những thành phần công nhân, nông dân, trí thức mà sự hy sinh, cương quyết, trung thành đã được thử thách trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc từ hai năm nay. Họ đang giác ngộ, họ đang tìm đường đi, họ đang lựa chọn một Đảng chính trị, họ không thể thoả mãn với những hội cứu quốc, họ đang phân vân trước sự tuyên truyền của các đảng phái chính trị lung chùng”.

Chỉ thị còn nêu lên những tiêu chuẩn cụ thể, thủ tục kết nạp và nội dung giáo dục đảng viên mới; đồng thời chỉ đạo phải hết sức cảnh giác đối với những phần tử cơ hội, xu thời len lỏi vào hàng ngũ Đảng để “lợi dụng thanh danh Đảng mà thoả thích lòng riêng của họ”<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Chỉ thị phát triển Đảng của Xứ ủy. Hồ sơ A63-LS/CCTQK7. Trích lại trong *Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang Quân khu 7* tập I, Nxb QĐND, H.2003, tr.142.

Chỉ thị này là cơ sở quan trọng để đẩy mạnh công tác phát triển Đảng nói chung và trong lực lượng vũ trang nói riêng; đồng thời cũng rất kịp thời. Bởi thực tế, Đảng Dân chủ do Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập (sau Cách mạng tháng Tám) để tập hợp đội ngũ trí thức, đang có những biểu hiện tranh giành quyền lãnh đạo với Đảng Cộng sản. Ở Biên Hòa, Đảng Dân chủ đang đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong các cán bộ giữ vị trí lãnh đạo lực lượng vũ trang.

Với Chi đội 10 đến thời điểm trước tháng 7 năm 1947, sau khi đồng chí Phan Đình Công chuyển về làm chính trị viên Chi đội 16 Bà Rịa, thì Chi đội 10 chỉ còn một đảng viên là đồng chí Trần Văn Quy<sup>1</sup>, phụ trách công tác sản xuất của Chi đội. Theo chỉ đạo của Phòng Chính trị Quân khu 7, nội dung công tác chính trị trong giai đoạn này gồm các nội dung:

- Tuyên truyền dân chúng kháng chiến, tham gia công tác phá hoại, hô hào giết giặc, cố gây cho được phong trào toàn dân kháng chiến.

- Giúp dân, bảo vệ dân, gây tình thân mật, gây tình hợp tác thân mật giữa quân với dân.

- Đối nội thì làm cho bộ đội hiểu biết mục đích kháng chiến, giáo dục kỷ luật và văn hóa.

- Dàn xếp những rắc rối trong nội bộ, gây tinh thần đoàn kết.

---

<sup>1</sup> Đảng viên trước Cách mạng tháng Tám 1945.

Để có thể lãnh đạo tập trung, chỉ huy thống nhất và nâng cao bản lĩnh, sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, thì công tác đảng, công tác chính trị là hết sức quan trọng. Từ xác định tính chất của công tác chính trị, trong lực lượng vũ trang Chi đội 10 Biên Hòa đến các đơn vị đại đội, trung đội tuy đều có chính trị viên, nhưng công tác chính trị chủ yếu vẫn là động viên tinh thần chiến đấu của chiến sĩ là chính, các mặt khác như tổ chức bộ máy, cán bộ công tác chính trị, công tác dân vận... chưa được quan tâm đúng mức. “Kết quả: Tuy là nhiệm vụ đặt ra như thế, song chưa có kinh nghiệm, chính trị viên vẫn còn bỡ ngỡ với công tác mới mẻ trong bộ đội, vì vậy trong công tác đối nội thu hoạch được rất ít kết quả... Duy về công tác đối ngoại trong dân chúng thì rất kết quả, gây được ảnh hưởng lớn, làm cho dân chúng thương mến bộ đội”<sup>1</sup>.

Để có thể từng bước nắm được lực lượng vũ trang, Tỉnh ủy Biên Hòa một mặt báo cáo với Khu ủy miền Đông để xử lý mâu thuẫn giữa Bí thư Tỉnh ủy lâm thời và người phụ trách lực lượng vũ trang<sup>2</sup> địa phương; mặt khác có kết hoạch phát triển Đảng trong lực lượng vũ trang, xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh trong vũ trang, đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất và tập trung của Tỉnh ủy.

---

<sup>1</sup> Chỉ thị phát triển đảng của Xứ ủy. Hồ sơ A63-LS/CCTQK7. Trích *Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang Quân khu 7 tập I*, Nxb QĐND, H.2003, tr.44.

<sup>2</sup> Đồng chí Bí thư lâm thời được chỉ định năm 1946 với người chỉ huy Chi đội 10 vốn từng công tác ở Hòa xa Sài Gòn từ trước tháng 8-1945, có nhiều bất đồng và mâu thuẫn nhau.

Cuối tháng 7 năm 1947, Tỉnh ủy Biên Hoà triệu tập hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh lần thứ 2 ở Mỹ Lộc. Đồng chí Nguyễn Văn Sĩ thay mặt Khu uỷ miền Đông về tham dự và chỉ đạo hội nghị. Tại hội nghị, đồng chí Nguyễn Văn Ký được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Biên Hoà. Hội nghị quyết nghị cần phải tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng với phong trào kháng chiến.

Về hoạt động vũ trang ở Biên Hoà, đồng chí Hai Sĩ đánh giá cao hoạt động tác chiến có hiệu quả của Chi đội 10, đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế trong tác chiến và xây dựng: Ban Chỉ huy Chi đội chưa chú trọng đến công tác xây dựng cơ sở và hỗ trợ đặc lực để xây dựng phong trào du kích chiến tranh ở địa phương; tập trung tác chiến là tốt nhưng khi lực lượng rút đi, cơ sở bị bỏ trống, địa phương không đủ lực lượng đối phó với các hoạt động đánh phá của địch. Đồng chí nhấn mạnh, Ban Chỉ huy Chi đội cần chú trọng công tác xây dựng Đảng trong chi đội, đại đội, trung đội và các lực lượng vũ trang khác với các đối tượng là cán bộ, chiến sĩ kiên trung đã trải qua hai năm chiến đấu, nhằm đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng với lực lượng vũ trang.

Trong hội nghị, Tỉnh ủy Biên Hoà quyết định kết nạp đồng chí Võ Cương, Giám đốc quân y viện kiêm chính trị viên Chi đội 10<sup>1</sup> vào Đảng Cộng sản Đông

---

<sup>1</sup> Cuối năm 1946, đồng chí Phan Đình Công, chính trị viên Chi đội 10 Biên Hoà chuyển về công tác ở Bà Rịa, đồng chí Võ Cương thay thế làm Chính trị viên Chi đội 10.

Dương và công nhận đảng viên chính thức, làm Bí thư Chi bộ Chi đội 10. Hội nghị cũng quyết định bổ sung đồng chí Võ Cương vào Ban chấp hành Tỉnh ủy. Đây là điều kiện thuận lợi lớn cho công tác xây dựng Đảng và tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang địa phương.

Thực hiện sự chỉ đạo của Xứ ủy về công tác phát triển Đảng trong lực lượng vũ trang, Tỉnh ủy Biên Hoà đã tăng cường thêm cán bộ làm công tác Đảng vụ về Chi đội<sup>1</sup>, kết hợp với Chính trị viên Chi đội 10 triển khai công tác tuyên truyền giáo dục về tôn chỉ, mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản trong cán bộ, chiến sĩ vũ trang để tiến tới việc kết nạp đảng viên mới và xây dựng tổ chức Đảng trong Chi đội. Mục tiêu trước mắt là phát triển đảng trong cán bộ chỉ huy, làm nòng cốt để phát triển đảng trong cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, tiến tới xây dựng chi bộ Đảng các cấp.

Đến cuối năm 1947, hầu hết các đồng chí chỉ huy từ Chi đội đến các đại đội, trung đội của Chi đội 10 đều được kết nạp vào Đảng. Lúc bấy giờ, căn cứ vào thực tế tình hình công tác kết nạp đảng viên mới được tiến hành tập thể (nhưng tuyên thệ từng người). Các đảng viên mới kết nạp đều được công nhận là đảng viên chính thức, vì đã trải qua thử thách trong hai năm kháng chiến rất kiên cường. Theo số liệu báo cáo, toàn Chi đội 10 có 23 đảng viên. Đồng chí Võ Cương chính

---

<sup>1</sup> Đồng chí Mai Ngọc Khuê, được Tỉnh ủy cử là đặc phái viên làm công tác phát triển Đảng.

trị viên chi đội kiêm Bí thư Chi bộ. Các đại đội, trung đội đều có chính trị viên là đảng viên. Phòng chính trị Chi đội 10 được thành lập do đồng chí Hoàng Tam Kỳ làm trưởng phòng, được tăng cường các đồng chí: họa sĩ Lê Vinh, Ngô Tiến, Nguyễn Văn Thọ (Thọ lai), anh Thành chuyên trách công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị.

Tháng 11 năm 1947, hệ thống Tỉnh đội dân quân Biên Hòa thành lập từ tỉnh xuống các quận trực thuộc Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp, chịu sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quận ủy. Đồng chí Cao Văn Bỏ (nguyên Chánh văn phòng Chi đội 10) được bổ nhiệm làm Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội quân dân Biên Hòa, Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Hội phó Phụ nữ tỉnh làm Tỉnh đội phó, Nguyễn Văn Lai (Tỉnh ủy viên) là Chính trị viên Tỉnh đội. Quận đội dân quân được tổ chức (sang 1948 chuyển đổi quận thành huyện):

*Huyện đội Tân Uyên:* Hình thành trên cơ sở sáp nhập 3 ban công tác liên thôn 1, 2, 3, do Trừ Sùng Thới làm Huyện đội trưởng, Cổ Tấn Chương làm Huyện đội phó.

*Huyện đội Châu Thành:* Hình thành trên cơ sở sáp nhập 3 ban công tác liên thôn 4, 5 và 6, do Trần Văn Xã làm Huyện đội trưởng, Phạm Văn Cẩm làm Huyện đội phó, Châu Ngọc Đức làm Chính trị viên.

*Huyện đội Xuân Lộc:* Hình thành trên cơ sở sáp nhập 2 ban công tác liên thôn 9 và 10, do Võ Văn Đức làm Huyện đội trưởng, Huỳnh Công Tâm và Trần Văn Lộc làm Huyện đội phó.

*Huyện đội Long Thành*: Hình thành trên cơ sở sáp nhập 4 ban công tác liên thôn 8, 11, 12, 14, do Phạm Tự Do làm Huyện đội trưởng, Nguyễn Trọng Trường làm Huyện đội phó, Hoàng Văn Trí làm Chính trị viên.

Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, Chi đội trưởng Chi đội 10 được bổ sung vào Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Chi đội 10 kiêm nhiệm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, và đầu năm 1948 được đề bạt làm Khu bộ phó Khu 7.

Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ đã trực tiếp biên soạn các tài liệu huấn luyện cán bộ, chiến sĩ về quân sự, kỹ thuật chiến đấu làm phương tiện huấn luyện cho cán bộ, chiến sĩ Chi đội và du kích tập trung ở các huyện đội bộ. Về công tác chính trị, Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh chỉ đạo cho Chi bộ Chi đội 10, Chính trị viên Tỉnh đội bộ triển khai học tập 12 điều kỷ luật dân vận, 10 nhiệm vụ công tác chính trị trong quân đội<sup>1</sup> (Tài liệu là nghị quyết của hội nghị chính trị viên toàn quốc từ 14 đến 16 tháng 2 năm 1947 do Bộ Tư lệnh khu chuyển xuống). Trong chương trình huấn luyện, cán bộ,

---

<sup>1</sup> 1- Nâng cao tinh thần chiến đấu của toàn thể bộ đội. 2- Gây hứng thú và tổ chức nghiên cứu thêm kỹ thuật và chiến thuật, học tập kinh nghiệm. 3- Rèn luyện tinh thần kỷ luật bằng cách chấn chỉnh nội dung các mệnh lệnh, việc động viên để thi hành mệnh lệnh, việc thưởng phạt. 4- Bảo đảm sự thực hiện của phương châm chiến lược về quân sự. 5- Huấn luyện dân vận cho bộ đội để giúp vào việc thực hiện quân dân nhất trí. 6- Đoàn kết đối nội đối ngoại. 7- Làm cho bộ đội tin tưởng thắng lợi... làm cho bộ đội có tinh thần tự lập chiến đấu trong gian nguy. 8- Địch vận. 9- Làm cho đúng 10 lời thề và 12 điều kỷ luật. 10- Đào tạo cho mỗi đội viên thành một chiến sĩ tiên phong và quân đội ta thành một quân đội quốc gia xứng đáng với danh nghĩa ấy.

chiến sĩ còn được học tập những bài về lịch sử truyền thống đấu tranh của dân tộc, bài viết “Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi” của đồng chí Trường Chinh Tổng Bí thư của Đảng, các bài học về công tác vận động quần chúng, công tác binh địch vận, chính sách đối với tù hàng binh...

Bộ Tư lệnh Khu 7 đã ra báo “*Tiên Đạo*” làm cơ quan ngôn luận của các lực lượng vũ trang Khu. Ban chỉ huy Chi đội 10 chủ trương và giao nhiệm vụ cho phòng chính trị Chi đội ra báo “*Tiếng Rừng*”, làm nhiệm vụ thông tin, cũng là cơ quan ngôn luận góp phần làm công tác chính trị, tư tưởng trong các đơn vị vũ trang, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu của chiến sĩ và nhân dân. Báo “*Tiếng Rừng*” được phát hành tới các trung đội. Các cây bút chủ lực của tờ báo gồm Huỳnh Văn Nghệ, Bùi Cát Vũ, Đặng Sĩ Hùng, Hoàng Tam Kỳ... và nhiều cộng tác viên là cán bộ các ban ngành, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thuộc Chi đội 10.

Công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang được chú trọng. Các tổ chức làm công tác đảng được xây dựng (phòng chính trị Chi đội, các chính trị viên từ chi đội đến đại đội, trung đội) là cơ sở để nâng cao nhận thức chính trị trong toàn lực lượng, thống nhất mục tiêu chiến đấu, cơ sở tăng cường sức mạnh chiến đấu của lực lượng.

## **2. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị trong hoạt động đánh giao thông của địch**

Trung tuần tháng 1 năm 1947, Ban chỉ huy chi đội,

Chi bộ triệu tập các đại đội trưởng (A, B, C), chính trị viên đại đội, Giám đốc binh công xưởng chi đội (Bùi Cát Vũ), Chính trị viên Binh công xưởng (Nguyễn Cao) và trưởng chi quân báo họp tại Văn phòng Ban chỉ huy (Tân Tịch), nhằm triển khai nhiệm vụ: “Không cho giặc Pháp cướp của Nam Bộ ra đánh Bắc, Trung Bộ”. Hội nghị nhận định hiện nay thực dân Pháp đã mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước. Do đó, chúng sẽ tăng cường binh lực, phương tiện chiến tranh từ trong Nam ra miền Bắc. Muốn ngăn chặn địch chuyển hàng chuyển quân ra Trung, Bắc, phải mở những trận đánh giao thông. Vấn đề quan trọng là chọn điểm mở mặt trận. Trên cơ sở nhận định: quốc lộ 14, quốc lộ 20 cũng là giao thông huyết mạch của địch ra miền Trung, nhưng nếu sử dụng những con đường này địch phải đi đường vòng lên Tây Nguyên mới trở lại miền Trung, đường vừa xa vừa đèo dốc, do vậy Ban chỉ huy nhất trí chọn quốc lộ 1 làm mục tiêu tiến công các đoàn xe giao thông địch, đặc biệt đường sắt Bắc-Nam thuộc địa phận quận Xuân Lộc là mục tiêu chính.

Quốc lộ 1 và tuyến đường sắt Bắc-Nam đi qua tỉnh Biên Hòa sẽ là đường giao thông huyết mạch để thực dân chuyển quân, chuyển hàng, thiết bị chiến tranh thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược. Nhiệm vụ của Chi đội là tổ chức các trận phục kích giao thông, nhất là trên tuyến đường sắt diệt sinh lực địch, phối hợp với chiến trường chung, đồng thời ngăn chặn việc chuyển quân của chúng ra xâm lược miền Bắc.

Sau khi nghiên cứu thực địa, Ban chỉ huy chi đội

quyết định mở một loạt trận phục kích giao thông đường sắt trên chiến trường quận Xuân Lộc, bởi cung đường sắt ở đây đều chạy xuyên qua các khu rừng rậm, thuận lợi cho việc ém quân, chuyển quân. Trừ đại đội A làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ, bảo vệ các cơ quan ở chiến khu Đ, Ban chỉ huy chỉ đội 10 về đứng chân ở căn cứ núi Chúa Chan (huyện Xuân Lộc), tập trung hai đại đội B và C làm nhiệm vụ tác chiến ở chiến trường Xuân Lộc.

Giữa tháng 5 năm 1947, Ban chỉ huy Chi đội và lực lượng đại đội B, đại đội C đã bí mật tập kết về căn cứ núi Chúa Chan của huyện Xuân Lộc.

#### *a. Trận Bảo Chánh (19-5-1947)*

Trên cơ sở nhiệm vụ của Ban Chỉ huy, chính trị viên các đại đội và các đơn vị tham gia đợt chiến đấu đã triển khai tình hình, đặc điểm chiến trường hoạt động cho chiến sĩ, xác định quyết tâm: Đợt tác chiến đánh giao thông là nhiệm vụ trọng tâm, không chỉ diệt sinh lực quân Pháp, tăng vũ khí, lương thực, mà còn là đợt phối hợp chặt chẽ với chiến trường miền Trung, miền Bắc, hạn chế việc địch tăng cường binh lực cho hai chiến trường này. Đây là đợt hoạt động tập trung đầu tiên của Chi đội, thông suốt nhiệm vụ nên cán bộ chiến sĩ đều hăng hái và quyết tâm cao.

Buổi trưa ngày 19 tháng 5 năm 1947, mặt trời lên cao. Đoàn xe lửa của địch chậm chậm chạy vào trận địa phục kích. Quả địa lôi chế tạo từ quả đạn pháo 75 ly phát nổ buộc đoàn xe dừng lại. Hai trung đội 4 và 6 đại đội B, hai Ban công tác liên thôn 9 và 10 huyện Xuân

Lộ từ cánh rừng hai bên đường xe lửa xung phong đánh chiếm các toa tàu. Bọn lính hộ tống trên các toa tàu không kịp phản ứng, một số bị tiêu diệt, một số ôm súng chạy vào rừng, chạy ngược về hướng Xuân Lộc, một số đầu hàng tại chỗ. Ta thu một khẩu đại liên Hốt-kít, nhiều quân trang, quân dụng, lương thực thực phẩm, trong đó có nhiều bánh mì, cá hộp...

Trận ra quân đầu tiên ở Bảo Chánh thắng lợi hoàn toàn, tạo không khí phấn khởi trong toàn lực lượng. Bộ đội ta nhanh chóng rút về núi Chứa Chan, Ban chỉ huy Chi đội mở hội nghị tổng kết trận đánh, chuẩn bị cho các trận sau. Đồng thời Ban chỉ huy Chi đội cho 2 Ban công tác liên thôn trở về địa phương, bố trí đội hình sẵn sàng đánh trả khi địch phản kích, ruồng càn giết hại nhân dân.

Lực lượng về đến căn cứ, cũng là lúc đồng chí Võ Văn Lắm, chiến sĩ Ban công tác liên thôn 10 trong lớp áo nhà sư đã hoàn thành nhiệm vụ hướng dẫn đoàn cán bộ cao cấp của Trung ương vào chỉ đạo phong trào kháng chiến Nam Bộ; đoàn do đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu. Thay mặt Ban chỉ huy Chi đội, cán bộ chỉ huy các đại đội, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ đã báo cáo tình hình kháng chiến ở Biên Hòa; việc thực hiện chỉ thị của Trung ương không cho giặc cướp của Nam Bộ ra đánh Bắc, Trung bộ, trong đó trận đánh xe lửa Bảo Chánh mở đầu cho hoạt động này.

Đồng chí Lê Duẩn đã xuống chân núi thăm hỏi, động viên và ngợi khen chiến công của bộ đội ta. Đồng

thời đồng chí chỉ rõ những thiếu sót, yếu kém của bộ đội, nhất là về sức mạnh tư tưởng, quân phong, quân kỷ, chiến thuật, kỹ thuật chiến đấu. Đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh quân đội ta là quân đội cách mạng, quân đội nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng; phải quan hệ chặt chẽ với nhân dân. Đồng chí đã chuyển những tài liệu huấn luyện bộ đội (của trường võ bị Trần Quốc Tuấn) cho Ban chỉ huy Chi đội 10 và trực tiếp tham gia, quan sát việc huấn luyện bộ đội Chi đội 10 tại căn cứ, trao đổi với lãnh đạo tỉnh về việc kiện toàn, tổ chức bộ máy kháng chiến của tỉnh Biên Hòa.

Sau hai tuần huấn luyện quân sự, chính trị, bộ đội Chi đội 10 Biên Hòa đã nâng cao được chất lượng chiến đấu về tư tưởng, đội ngũ và kỹ thuật chiến đấu, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

#### *b. Trận Trảng Táo (6-1947)*

Sau trận Bảo Chánh, Binh công xưởng chi đội nhận định mìn chế tạo bằng đầu đạn pháo 75 ly không đủ sức công phá đầu máy xe lửa địch, làm hư đoàn tàu. Hơn nữa trong điều kiện không có vũ khí nào mạnh hơn. Ban chỉ huy chi đội đã bàn bạc và thống nhất với đề xuất của Giám đốc binh công xưởng dùng mìn 75 ly, kết hợp với việc tháo bù lon đường ray, cho các chiến sĩ khoẻ mạnh cột dây kéo mạnh hai bên, mục đích làm cho xe lửa trật bánh sát khỏi đường ray phải dừng lại. Chính trị viên hai đại đội đã triển khai nhiệm vụ cho các trung đội, đồng thời động viên các đơn vị bố trí những chiến sĩ

khỏe mạnh làm nhiệm vụ kéo dây cột và các thanh đường ray sau khi tháo bù lon nối đường ray với thanh tà-vẹt. Tham gia trận đánh Trảng Táo cũng gồm đại đội B và du kích hai Ban công tác liên thôn 9 và 10.

Khi đoàn xe lửa vừa đến, địa lôi nổ các chiến sĩ từ hai cánh rừng kéo mạnh dây đã cột vào đường ray, nhưng các toa tàu đè trên đường ray sức kéo không đủ lực. Khi bánh xe của đầu toa sau vừa ra khỏi đầu nối đường ray, các chiến sĩ dùng sức kéo mạnh, đường ray bật ra. Hai toa xe sau lọt khỏi đường ray những vẫn chạy thêm một đoạn nữa đến khúc cua thì lật nhào, đoàn tàu phía trước vẫn chạy luôn về ga Gia Huynh. Bộ đội ta truy kích theo, dùng lựu đạn đánh diệt toa tàu chở bốn lính hộ tống. Toa còn lại, ta tịch thu hai khẩu súng đại liên, 10 tấn gạo và nhiều đồ hộp thịt, cá.

### *c. Trận Bảo Chánh II*

Trong quá trình đánh trận Trảng Táo, nhân dân Gia Huynh phát hiện được 3 quả bom lép (50 cân Anh) do quân Đồng minh ném trước đây còn sót lại và báo cáo cho Binh công xưởng đưa về, chế tạo thành 3 quả mìn kích nổ bằng điện dùng để đánh các trận kế tiếp.

Bị đánh hai trận ở Bảo Chánh và Trảng Táo, quân Pháp cũng đã rút kinh nghiệm đối phó. Trên đường xe lửa địch cho chạy cùng lúc hai đoàn tàu cách nhau khoảng 200 - 300m, để nếu một đoàn bị ta đánh, đoàn còn lại sẽ ứng cứu. Hơn nữa với hai đoàn tàu, địch buộc ta phải dàn quân kéo dài, tạo nhiều sơ hở để chúng phản công.

Nắm được ý đồ của thực dân, Ban chỉ huy Chi đội 10 chỉ đạo chặn đánh đoàn tàu đi sau, đồng thời bố trí lực lượng ngăn chặn không cho đoàn tàu đi trước có thể quay lại ứng cứu. Ban chỉ huy Chi đội họp cán bộ đại đội, trung đội triển khai kế hoạch tác chiến và hạ quyết tâm đánh thắng trận, bởi đã rút được kinh nghiệm từ những trận đánh trước; hơn nữa trận này đã có vũ khí có hoả lực mạnh, đủ khả năng đánh lật tàu. Và để tạo bất ngờ cho địch, Ban chỉ huy chi đội cho bộ đội quay lại bố trí trận địa ở Bảo Chánh, nơi đoàn xe địch đã bị ta đánh vào tháng 5 năm 1947.

Khi đoàn tàu lửa vào trận địa, đầu xe thứ nhất vừa qua, từ điểm chỉ huy quan sát, đồng chí đại đội trưởng đại đội B ra lệnh phát hoả. Quả địa lôi 50 cân Anh nổ lớn. Chiếc đầu máy xe lửa bị hất tung lên và rơi xuống đất kéo theo một tiếng vang rất lớn. Bộ đội ta từ hai bìa rừng vận động ra thì thấy đoàn tàu lửa đang chạy thục mạng về hướng Gia Ray, còn đoàn tàu thứ hai thì dừng lại cách trận địa trên 200 mét. Lúc đó ta mới phát hiện chiếc đầu máy Pacific bị nổ tung là đầu máy đẩy của đoàn tàu đi trước.

Bộ đội được lệnh vận động theo bìa rừng tiếp cận tấn công đoàn tàu đi sau. Từ hai bên ta luy trên cao (cách đường ray 4-5m), hoả lực ta bắn cấp tập vào hai toa bọc thép hộ tống, để bộ đội luồn dưới làn đạn xung phong lên các toa xe đánh địch. Nhưng bỗng nhiên, cả đoàn xe địch chuyển động rồi chạy ngược về hướng Dầu Giây. Bộ đội ta buộc phải nhảy xuống để rút vào rừng.

Như vậy ở trận Bảo Chánh lần thứ II, ta chỉ diệt được một đầu máy tàu lửa, chiến lợi phẩm thu được không nhiều.

#### *d. Trận Bàu Cá (14-7-1947)*

Từ Xuân Lộc rút về Bàu Cá, Ban chỉ huy Chi đội 10 nhận định 14 tháng 7 là ngày quốc khánh nước Pháp, là dịp để quân kháng chiến tạo nên tiếng vang lớn với dư luận trong và ngoài nước về hoạt động của Việt Minh. Công tác chuẩn bị chiến trường, chọn địa điểm, bố trí địa lôi, đội hình phục kích được chuẩn bị kỹ. Các chiến sĩ được cán bộ chính trị đại đội xác định nhiệm vụ, động viên tinh thần quyết tâm chiến đấu, bởi nếu đánh tốt thắng lợi lớn thì trận phục kích còn có ý nghĩa hơn vì nhằm vào ngày lễ trọng đại của thực dân.

Tại Bàu Cá, ngoài trung đội 4, 6 (đại đội B), trung đội 5 ở Tam Hiệp, Vĩnh Cửu và trung đội 8 từ Long Thành cũng được điều về tập trung chuẩn bị cho trận đánh. Lực lượng ta bố trí hai trận địa A và B trên tuyến đường đường sắt đoạn Bàu Cá. 12 giờ trưa ngày 14 tháng 7 năm 1947, đoàn tàu thứ nhất lọt vào trận địa A. Quả địa lôi nổ tiêu diệt đầu máy tàu. Bộ đội ta xung phong, nổ súng tiêu diệt 200 tên bao gồm bốn lính hộ tống (có 1 đại úy chỉ huy) và lính tăng viện ra chiến trường Trung, Bắc. Ta thu được 1 trung liên, 14 tiểu liên, 40 súng trường, 5 súng ngắn và 3 máy truyền tin vô tuyến, cùng gần 200 tấn lương thực thực phẩm. Ở mặt trận B, đoàn tàu thứ hai chưa vào trận địa, nhưng nghe tiếng nổ nên dừng lại và chạy ngược về hướng Trảng Bom.

Trận đánh diễn ra đúng ngày quốc khánh nước Pháp, gây một tiếng vang chính trị rất lớn. Lời tuyên bố huênh hoang của thực dân là đã bình định xong Nam Kỳ trở thành sáo rỗng; chiến thuật đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp bất thành.

Như vậy, thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ, chỉ thị của Tổng chỉ huy, trong 55 ngày đêm chiến đấu trên chiến trường Xuân Lộc, lực lượng chi đội 10 đã liên tục mở 4 trận đánh giao thông đường sắt giành nhiều thắng lợi. Thắng lợi cho thấy rõ quyết tâm của Ban chỉ huy Chi đội và bản lĩnh chiến đấu của toàn thể cán bộ chiến sĩ; đồng thời thể hiện tinh thần khắc phục khó khăn để chiến đấu. Thắng lợi còn cho thấy sự chỉ đạo, chỉ huy sâu sát của Ban chỉ huy Chi đội. Từng trận đánh đều được nghiên cứu và chuẩn bị chu đáo, có kế hoạch cụ thể. Điều quan trọng hơn là sự phối hợp chặt chẽ của các Ban liên thôn là rất cần thiết và là yếu tố quan trọng trong việc chuẩn bị chiến trường, nắm tin và phục vụ hậu cần cho bộ đội.

\*  
\*   \*   \*

Sau một loạt trận đường sắt, Ban chỉ huy Chi đội 10 cho toàn Chi đội trở về chiến khu Đ, chỉ đạo cho các Ban chỉ huy Đại đội tiến hành tổng kết đợt hoạt động ở Xuân Lộc, nhằm mục đích tăng cường công tác giáo dục chính trị, phát hiện nhân tố tích cực điển hình để phát triển đảng.

Để nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, Ban chỉ huy Chi đội 10 chủ trương mở một đợt

huấn luyện quân sự, chính trị cho cán bộ chiến sĩ toàn chi đội.

Về chính trị, cán bộ, chiến sĩ chi đội được quán triệt về bài học công tác dân vận. Thực tế cho thấy việc tập trung một lực lượng quân lớn, tác chiến xa hậu phương, nếu không dựa vào dân và cơ sở địa phương thì sẽ không đảm bảo được việc nghiên cứu chiến trường, đảm bảo hậu cần và cả về trang bị vũ khí, như các quả bom để chế tạo thành địa lôi chính là nhờ vào quần chúng phát hiện cho binh công xưởng. Các chiến sĩ còn được học tập về kỹ luật chiến trường; chính sách tù hàng binh binh địch vận.. nếu làm tốt thể hiện bản lĩnh, bản chất của quân đội và nhằm nêu cao chính nghĩa của lực lượng kháng chiến.

Sau đợt huấn luyện, đến cuối năm, toàn Chi đội 10 đã có bước phát triển mới về bản lĩnh chính trị và nâng cao trình độ kỹ, chiến thuật trong chiến đấu. Các đơn vị khi hành quân đảm bảo đội hình trật tự và bí mật (đảm bảo hai đơn vị hành quân ngược chiều trong rừng, không phát hiện được nhau trong khoảng cách 50 mét).

Đợt huấn luyện quân sự chính trị do Ban chỉ huy Chi đội tổ chức tạo ra một không khí phấn khởi, tự tin, nâng cao nhận thức chính trị, lý tưởng chiến đấu, bản lĩnh chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ. Qua đợt huấn luyện, nhiều cán bộ, chiến sĩ đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Các trung đội đều xây dựng được chi bộ đảng để lãnh đạo công tác tư tưởng trong đơn vị.

Đồng thời để đưa thông tin xuống với cán bộ, chiến

sĩ, đẩy mạnh hoạt động giáo dục chính trị, Ban chỉ huy Chi đội 10 Biên Hoà đã cho xuất bản tờ báo Tiếng Rừng. Chỉ huy trưởng chi đội kiêm luôn chủ bút, chủ biên. Những cây bút chủ lực như Huỳnh Văn Nghệ, Bùi Cát Vũ, Tô Văn Trước... và nhiều cây bút khác trong các cơ quan Dân, Chính, Đảng đã góp phần quan trọng cho tờ báo được in, phân phát, phổ biến đến các chiến sĩ và cả vào trong nội thành đến với quần chúng, động viên tinh thần và sức mạnh kháng chiến.

Tháng 11 năm 1947, theo quy định của Trung ương về tổ chức hệ thống cơ quan dân quân các cấp, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ quyết định thành lập Phòng Dân quân Nam Bộ do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy phụ trách. Khu 7 thành lập Ban Dân quân do đồng chí Lê Minh Định làm Trưởng ban.

Tại Biên Hòa, tháng 12 năm 1947, hệ thống cơ quan dân quân các cấp từ tỉnh xuống huyện, xã được hình thành. Theo đó, lực lượng vũ trang chi đội 10 là lực lượng chủ lực của khu nhưng hoạt động ở chiến trường Biên Hoà không thuộc hệ thống chỉ huy của dân quân. Nhưng ở Biên Hòa do tình hình khách quan về tổ chức, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ Chỉ huy trưởng Chi đội 10 kiêm nhiệm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính của tỉnh. Từ Tỉnh đội đến Huyện đội, xã đội dân quân đều trực thuộc sự lãnh đạo của Đảng ủy và chính quyền địa phương cùng cấp. Tỉnh đội dân quân có nhiệm vụ chỉ đạo phát triển phong trào dân quân, du kích trong tỉnh, kết hợp chặt chẽ cùng Ban chỉ huy Chi đội trong kế hoạch tổ chức, huấn luyện, chỉ đạo các huyện đội dân

quân, xã đội dân quân phối hợp chặt chẽ cùng các đơn vị thuộc Chi đội 10 tác chiến trên địa bàn.

Tỉnh đội bộ dân quân tỉnh Biên Hoà gồm:

- Đồng chí Cao Văn Bử, nguyên chánh văn phòng chi đội 10 làm Tỉnh đội trưởng.

- Đồng chí Nguyễn Văn Trị, nguyên chánh văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên, Tỉnh đội phó.

- Đồng chí Nguyễn Thị Minh Nguyệt, nguyên phó Chủ tịch Hội Phụ nữ cứu quốc tỉnh, Tỉnh đội phó.

- Đồng chí Nguyễn Văn Lai, Tỉnh ủy viên, Chính trị viên.

Với Huyện đội bộ dân quân, Tỉnh ủy chỉ đạo trên cơ sở tổ chức lại các Ban công tác liên thôn đã có để hình thành. Mỗi huyện đều có đội du kích tập trung trên cơ sở các đội du kích tập trung của các Ban công tác liên thôn trước đây. Mỗi xã đội xây dựng du kích thoát ly trên cơ sở đội du kích các xã trước đây của Ban công tác xã. Huyện đội bộ dân quân các huyện được tổ chức như sau:

*Huyện đội dân quân huyện Tân Uyên:* Hình thành trên cơ sở sáp nhập 3 ban công tác liên thôn 1, 2, 3, do Cổ Tấn Chương làm Huyện đội trưởng, Trần Công Đạo huyện đội phó, Lê Huyền chính trị viên.

*Huyện đội dân quân huyện Châu Thành:* Hình thành trên cơ sở sáp nhập 2 ban công tác liên thôn 4, 5 và 6, do Trần Văn Xá làm Huyện đội trưởng, Phạm Văn Cẩm

làm Huyện đội phó, Châu Ngọc Đức làm Chính trị viên.

*Huyện đội dân quân huyện Xuân Lộc:* Hình thành trên cơ sở sáp nhập 2 ban công tác liên thôn 9 và 10, do Võ Văn Đức làm Huyện đội trưởng, Huỳnh Công Tâm và Trần Văn Lộc làm Huyện đội phó.

*Huyện đội dân quân huyện Long Thành:* Hình thành trên cơ sở sáp nhập 4 ban công tác liên thôn 8, 11, 12, 14, do Phạm Tự Do làm Huyện đội trưởng, Nguyễn Trọng Trường làm Huyện đội phó, Hoàng Văn Trí làm Chính trị viên.

Việc thành lập hệ thống các cơ quan chỉ huy dân quân đáp ứng yêu cầu cơ bản của cuộc kháng chiến trường kỳ ở địa phương; đồng thời thực hiện sự chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn là phải làm cho mỗi người dân thành một chiến sĩ, phát triển phong trào toàn dân tham gia kháng chiến.

Chuẩn bị tiến tới kỷ niệm 1 năm ngày toàn quốc kháng chiến, Ban chỉ huy Chi đội chủ trương mở một trận đánh giao thông trên quốc lộ 14. Tháng 11 năm 1947, trinh sát Chi đội đã đi điều nghiên chiến trường, nắm quy luật hoạt động di chuyển của địch trên quốc lộ 14. Trên cơ sở này, Ban chỉ huy Chi đội quyết định mở trận phục kích giao thông lộ 14 đoạn Đồng Xoài. Ban chỉ huy Chi đội đã triệu tập các đại đội trưởng, chính trị viên các đại đội để quán triệt kế hoạch tác chiến, quán triệt mục đích và ý nghĩa trận đánh để xây dựng quyết tâm chiến đấu cho cán bộ chiến sĩ. Ngày 19 tháng 12 năm 1947, Chi đội 10 huy động 8 trung đội tham gia

trận đánh trên đường 14. Trận đánh diễn ra theo đúng kế hoạch, nhưng mìn lôm (bazomin) không diệt được xe thiết giáp AM (vì lượng nổ không đủ sức công phá). Ta phá hủy 1 xe chở xăng, 9 xe quân sự (chở lính), thu 2 trung liên, máy vô tuyến và bắt một số làm tù binh.

\*

\* \*

Ngay khi Chi đội nghiên cứu chiến trường Đồng Xoài vào tháng 11 năm 1947, đồng chí đại đội trưởng đại đội B đã đề xuất ý kiến với Ban chỉ huy chi đội về việc đánh giao thông địch trên quốc lộ 20, con đường giao thông chiến lược của địch từ Sài Gòn đi Tây nguyên. Trên đường giao thông này, chúng thường xuyên tổ chức những chuyến công voa có chuyến đến trên 80 chiếc xe quân sự. Đồng chí đại đội trưởng cho biết, hai bên quốc lộ 20, đặc biệt đoạn La Ngà là rừng già trùng điệp nối liền với Tây Nguyên và Chiến khu Đ, do đó việc chuyển quân, ém quân mở trận đánh lớn và rút lui đều thuận lợi. Hơn nữa, khu vực này trước đây có một số dân tộc ít người và hàng quán ở Túc Trưng để các xe đi Đà Lạt hoặc về Sài Gòn nghỉ chân, thì từ tháng 5 năm 1947, thực dân đã giải tán, khu vực trở thành không dân rất dễ cho việc bảo mật khi ta chuyển quân và bố trí đội hình lớn, dài ngày.

Ban chỉ huy sau khi phân tích tình hình, cơ bản nhất trí chọn quốc lộ 20 để tổ chức trận phục kích giao thông lớn. Tuy nhiên, đồng chí Chi đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ phân tích: Muốn đánh lớn phải tập trung lực lượng, nhiều vấn đề đặt ra cần giải đáp: Lương thực cho

lực lượng bộ đội tham gia chiến đấu dài ngày; vấn đề bảo vệ căn cứ chiến khu Đ khi ta chuyển lực lượng lớn lên tác chiến khu vực quốc lộ 20; vấn đề đối phó với tăng viện của địch và hạn chế chi viện của địch bằng không quân từ Biên Hòa lên... Nhưng vấn đề được quan tâm hàng đầu là làm sao giải quyết được vấn đề hậu cần cho bộ đội ở chiến trường? Những câu hỏi đặt ra cũng là những thách thức, cần có những giải pháp cụ thể, đặc biệt là phải huy động được “sức dân” mới có thể giải quyết được.

Bằng tài năng chỉ huy và tổ chức, Ban chỉ huy Chi đội 10 với quan điểm dựa vào dân và bố trí lực lượng hợp lý, đúng người, đã từng bước giải quyết đồng bộ các yêu cầu đặt ra cho trận đánh giao thông trên quốc lộ 20. Các đơn vị của Chi đội khẩn trương thực hiện công tác chuẩn bị: trình sát nắm quy luật hoạt động giao thông của địch, giải quyết vấn đề hậu cần lương thực cho bộ đội, xây dựng kế hoạch tác chiến... Về công tác chính trị, Ban chỉ huy Chi đội nhận định trong đoàn công voa địch sẽ có nhiều hành khách đi theo, do vậy cán bộ, chiến sĩ cần phải thực hành tốt chính sách tù hàng binh và công tác dân vận. Cán bộ chiến sĩ phải thể hiện được bản chất bộ đội Việt Minh, ân cần, thân thiện với nhân dân, đặc biệt chăm sóc những người bị thương, kể cả với quân Pháp.

Thông qua công tác vận động quần chúng, các chiến sĩ Chi đội cùng với các cơ quan Mặt trận Xuân Lộc đã xây dựng được khối lượng lương thực dự trữ đủ cho 1.000 quân dùng trong 7 ngày.

Ngày 26 tháng 2 năm 1948, Chi đội 10 và Liên quân 17 hành quân xuất phát từ Chiến khu Đ vượt sông Đồng Nai để tiến về hướng quốc lộ 20. Ngày 29 tháng 2, các chiến sĩ đã chiếm lĩnh trận địa đảm bảo an toàn và bí mật trên ba mặt trận A, B, C (kéo dài 9 km từ cây số 104 đến cây số 113). 15 giờ 12 phút, những quả địa lôi ở trận địa A phát nổ làm chấn động cả núi rừng mở đầu cho trận đánh. Cả đoàn xe địch lọt vào trận địa của quân ta. Kết quả, ta phá hủy 59/69 chiếc xe quân sự Pháp; Diệt 150 lính Pháp, 25 sĩ quan Pháp trong đó có 1 đại úy, 1 thiếu tá, 2 đại tá. Trong số địch bị chết có đại tá Đờ Xê-ri-nhê (De Sérigné), chỉ huy bán lữ đoàn Lê dương thứ 13 (13<sup>e</sup> DBLE); đại tá Pa-tơ-ruýt (Patruite), phó tổng tham mưu trưởng thứ nhất của quân Pháp ở nam Đông Dương; thiếu tá chỉ huy khu vực quân sự Hóc Môn; đại úy Giăng Cu-vơ-rơ (Jean Couvreur), trưởng phòng xe hơi trong bộ tổng tham mưu quân đội Pháp ở Đông Dương.. Bộ Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã gửi điện khen và tặng thưởng Huân chương quân công hạng II cho trận thắng La Ngà.

Ngay sau khi trận đánh kết thúc, bộ đội ta rút về tập trung ở khu vực Suối Cát. Cùng đi có 270 tù binh và hành khách đi cùng đoàn xe. Một số binh lính địch bị thương không đi được và khoảng 50 thường dân đa số là người già, trẻ em, người tu hành.. Ai cũng hoang mang tư tưởng khi ở giữa núi rừng với những chiến sĩ Việt Minh, thường được thực dân tuyên truyền trên báo chí, thông tin là những kẻ phiến quân, hung dữ.

Thế nhưng thực tế hành động và cử chỉ ân cần của

bộ đội kháng chiến đã làm cho tất cả hành khách (già trẻ có, Pháp có) đi từ ngạc nhiên đến cảm phục và kính trọng. Không ít những cô gái thị thành, những ma-sơ (nữ tu: masoeur) lo sợ lấy đất bôi cả lên da mặt để nghi trang xấu xí. Từ Ban chỉ huy chi đội đến cán bộ chính trị đại đội, trung đội và chiến sĩ đứng ra phát cơm vắt, cá khô, nước uống cho nhân dân. Những người bị thương, trầy xước đều được các y sĩ, y tá chăm sóc cẩn thận, băng bó vết thương. Sau khi được giải thích về chủ trương chính sách của Chính phủ, Việt Minh, ta cho phóng thích 50 người này về trước. Đồng thời thông qua số người này loan tin cho nhân dân ở Sài Gòn biết tất cả những người thương dân cùng đi trong đoàn xe và một số binh lính Pháp bị bắt sẽ được Việt Minh cho trở về nhà.

Khi chia tay, một dì phước<sup>1</sup> đã tháo râu chuỗi thánh giá của mình choàng lên cổ trung đội trưởng Lê Ngọc Sinh, chấp tay lẩm bẩm: “Cầu Chúa ban phước lành cho chiến sĩ Việt Nam”. Chính tư cách người chiến sĩ cách mạng, với địch thì chiến đấu kiên cường, nhưng với nhân dân thì chân tình thân ái đã cảm hóa được nhân dân, cả đối với những người tu hành vốn xa lạ với kháng chiến.

Thái độ, ứng xử văn minh lịch sự, chu đáo của bộ đội làm cho bà con thêm khâm phục ý chí và nhân cách người chiến sĩ cách mạng.

---

<sup>1</sup> Ma soeur, nữ tu đạo Thiên chúa.

Ngày 2 tháng 3 năm 1948, hàng loạt tờ báo tiếng Việt xuất bản ở Sài Gòn đều đưa tin về trận thắng La Ngà. Đặc biệt ca ngợi tinh thần chiến đấu kiên cường, lại đối xử tốt với tù hàng binh và hành khách trong đoàn, càng làm cho chính nghĩa của Việt Minh thêm ngời sáng.

Chính sách tù binh được thực hiện tốt trong trận La Ngà và gây tiếng vang lớn, góp phần vạch trần bản chất xâm lược của thực dân Pháp. Trung úy người Pháp Joeffrey (Dép-phây) bị thương ở chân, thay vì phải cưa chân, thì quân y Chi đội, trực tiếp bác sĩ Võ Cương; đồng thời là Chính trị viên Chi đội đã chăm sóc, điều trị giữ cho hắn nguyên lành. Vợ và con của viên trung úy được ta phóng thích đầu tiên cùng 50 hành khách về Sài Gòn trước đó.

Vài tháng sau, Ban chỉ huy Chi đội 10 cử nữ úy tá Lương Ngọc Tương cùng cán bộ chỉ huy Chi đội trao trả trung úy Dép-phây tại bót Cây Đào. Cả hai vợ chồng viên trung úy trước sự chăm sóc chu đáo và tinh thần nhân đạo của bộ đội Việt Minh không chỉ nhận ra chính nghĩa của quân kháng chiến, mà còn lớn tiếng phê phán cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

Bọn Pháp đã trả cả gia đình Dép-phây về chính quốc. Vợ của viên trung úy đã nói: *"Từ trước tôi chỉ biết về quân đội Việt Nam qua các tờ báo Ca-ra-ven (Caravelle) và báo Sài Gòn (Journal de Saigon). Nhưng nay tôi mới thấy rõ sự thật. Chính chồng tôi cũng đã nói với tôi: Anh không có cảm tưởng rằng mình là một*

*tù binh, họ cứu chữa cho anh rất tận tâm, như đối với người bạn thân của họ; họ rất nhân đạo và yêu chuộng hoà bình”<sup>1</sup>.*

Còn nhà báo Rau-un Mi-chen (Raoul Michel), cựu chủ bút tờ báo Bạn Dân (Ami du peuple), người chết hụt trong trận La Ngà, khi trở về Sài Gòn, được bạn bè hỏi đã trả lời: *“Chúng mình cần nói đúng sự thật, mà sự thật thì khác hẳn những gì chúng ta đã từng viết”*.<sup>2</sup>

Phát biểu của hai người Pháp nhân chứng còn sống sau trận thắng La Ngà không phải ngẫu nhiên. Đó chính là phát biểu phản ánh kết quả thực tế mà họ đã nhìn, đã chứng kiến tận mắt hành động anh dũng, quả cảm và tinh thần nhân đạo, kỷ luật chiến trường của bộ đội ta trong trận La Ngà. Phát biểu khẳng định của những nhân chứng người Pháp có sức mạnh cảm hóa tư tưởng binh lính người Pháp còn hơn cả súng đạn.

Trong cuộc họp quân sự toàn Khu 7 ngày 28 tháng 3 năm 1948, Bộ Tư lệnh khu đã đánh giá: “Đánh trận La Ngà ta đã thắng lợi cả về quân sự lẫn chính trị, thắng lợi về quân sự là lớn, nhưng thắng lợi về chính trị còn lớn hơn. Các chiến sĩ La Ngà không những đã anh dũng đánh giặc, mà còn biết làm công tác tuyên truyền rất khéo léo. Bằng những hành động thực tế của mình đã làm cho nhân dân tin tưởng, quý mến, kẻ thù phải khiếp sợ và khâm phục.

---

<sup>1</sup> *Trận phục kích La Ngà*. Nxb Đồng Nai 1998, tr. 90.

<sup>2</sup> Sách đã dẫn.

Trận La Ngà đã chứng tỏ bộ đội Khu 7 nói chung, bộ đội Biên Hòa nói riêng có bước trưởng thành về nhiều mặt”<sup>1</sup>.

Trong một báo cáo năm 1948, Thanh tra chính trị miền Đông đánh giá: “Thái độ thành thật và thân ái của chiến sĩ Việt Nam trong trận La Ngà đối với các dì phước và linh mục làm cho tín đồ Công giáo tin tưởng thêm nơi chính sách đại đoàn kết của Chính phủ kháng chiến”<sup>2</sup>.

### III. TẬP TRUNG XÂY DỰNG CƠ QUAN CHÍNH TRỊ CẤP TRUNG ĐOÀN, LIÊN TRUNG ĐOÀN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHÍNH TRỊ CÁC CẤP

#### 1. Thực hiện chế độ chính ủy cấp trung đoàn, phát triển hệ thống cơ quan chính trị trong lực lượng vũ trang 3 cấp

Sau chiến thắng La Ngà, Chi đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ được đề bạt làm Khu bộ phó Khu 7. Ngày 27 tháng 3 năm 1948, trong Hội nghị quân sự Khu, Chi đội 10 phát triển thành Trung đoàn 310 với 2.200 quân, trang bị 866 súng các loại, trong đó có 56 súng máy và 10 súng lớn.

Ba đại đội của Chi đội 10 trở thành 3 tiểu đoàn:

*Tiểu đoàn Lê Lợi* (phát triển từ đại đội A) do

---

<sup>1</sup> Sách đã dẫn, tr. 91.

<sup>2</sup> Báo cáo *Tình hình chung miền Đông Nam Bộ 1948*, số 363/CT ngày 28-12-1948. Tài liệu lưu phòng Nghiên cứu Lịch sử Đảng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai.

Nguyễn Văn Lắm làm Tiểu đoàn trưởng, Hoàng Lập Trung làm Chính trị viên. Tiểu đoàn Lê Lợi gồm 3 đại đội: Thái Nguyên, Đống Đa và Chi Lăng.

*Tiểu đoàn Quốc Tuấn* (phát triển từ đại đội B) do Đinh Quang Ân làm Tiểu đoàn trưởng, Nguyễn Văn Khoa làm Chính trị viên. Tiểu đoàn Quốc Tuấn gồm 3 đại đội: Lạc An, Bắc Sơn và La Nha.

*Tiểu đoàn Quang Trung* (phát triển từ đại đội C) do Lương Văn Nho làm Tiểu đoàn trưởng, Lưu Văn Phảng làm Chính trị viên. Tiểu đoàn Quang Trung gồm 2 đại đội là Đô Lương và Lam Sơn.

*Các đơn vị trực thuộc Trung đoàn* gồm: Đại đội trợ chiến và các Ban: Chính trị (Hoàng Tam Kỳ, Trưởng Ban), Tham mưu; Quân báo; Quân nhu; Binh công xưởng; Quân y viện, trại an dưỡng thương binh; Trường thiếu sinh quân.

Ban chỉ huy Trung đoàn 310 do Nguyễn Văn Lung làm Trung đoàn trưởng, Võ Cương, nguyên Chính trị viên Chi đội 10 được cử làm Chính trị viên.

Việc hình thành Trung đoàn 310 Biên Hòa là một sự biến đổi phát triển về chất của lực lượng vũ trang Khu nói chung và Biên Hòa nói riêng.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị chính trị viên toàn quốc (3-1948), tổ chức hệ thống lãnh đạo chính trị trong lực lượng vũ trang các cấp hoàn chỉnh và thống nhất. Hội nghị đã thống nhất về việc tổ chức hệ thống cơ quan chính trị trong quân đội. Hội nghị đã đề nghị thiết

lập chế độ chính trị ủy viên từ cấp trung đoàn trở lên. Chính trị ủy viên là người thay mặt cho Bộ Tổng chỉ huy chịu trách nhiệm về vận mệnh của đơn vị mình phụ trách, có quyền tối hậu quyết định về chính trị cũng như về quân sự và tài chính; chính trị ủy viên chỉ định phương châm chiến lược, không trực tiếp chỉ huy quân sự trừ trường hợp đặc biệt; về phương pháp thi hành các mệnh lệnh quân sự quan trọng phải có chữ ký của Chính trị ủy viên. Chế độ Chính trị ủy viên trong lực lượng vũ trang được thực hiện nhằm đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện và thống nhất của Đảng. Theo đó đồng chí Võ Cương trở thành Chính trị ủy viên Trung đoàn 310. Cấp tiểu đoàn trở xuống gọi là chính trị viên.

Về tổ chức Đảng, trong các trung đội, đại đội đều xây dựng chi bộ Đảng, chính trị viên trung đội, đại đội đồng thời là Bí thư chi bộ. Cấp Tiểu đoàn thì tổ chức Liên chi, Bí thư Liên chi đồng thời là chính trị viên Tiểu đoàn. Trung đoàn tổ chức Đảng bộ, chính trị ủy viên đồng thời là Bí thư Đảng ủy trung đoàn.

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn Nam Bộ (7-1948), công tác xây dựng, tổ chức lực lượng vũ trang trong đó có tổ chức về công tác đảng, công tác chính trị dần đi vào nền nếp. Các lớp đào tạo quân sự, đào tạo chính trị viên đại đội được Trung đoàn tổ chức. Tuy nhiên ở phạm vi toàn tỉnh, công tác chỉ huy trung đoàn còn không ít khó khăn, chủ yếu là các đại đội chiến đấu ở các địa phương như những đơn vị độc lập, chỉ tập trung cấp tiểu đoàn khi cần.

Nội dung công tác chính trị được xác định: động viên tinh thần chiến đấu nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ; động viên tinh thần học tập về chính trị, văn hoá, kỹ thuật chiến đấu; gây hứng thú, vui tươi trong sinh hoạt tinh thần; chăm sóc quyền lợi quân nhân; tự túc; dân vận; địch vận...; xây dựng lực lượng vũ trang theo phương châm “bộ đội của dân, do dân và vì dân”.

Đặc điểm trung đoàn là các tiểu đoàn, đại đội đều tác chiến mang tính chất độc lập, mỗi đơn vị đều được phân công đứng chân tác chiến ở một địa phương, một khu vực chiến trường, chỉ khi cần thì mới tập trung. Thực hiện sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Ban chỉ huy, Chính ủy trung đoàn, từ chỉ huy đến cán bộ, chiến sĩ các đơn vị đều thực hiện tốt đường lối vận động quần chúng của Đảng, gắn bó chặt chẽ với Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể ở địa phương với phương châm “đi dân nhớ, ở dân thương”, thực hiện chính sách “ba cùng” với nhân dân địa phương, được nhân dân tin yêu. Không chỉ trong chiến khu Đ, mà cả những vùng căn cứ du kích, các đơn vị vũ trang đều tổ chức được các hoạt động thể thao, văn hoá (triển lãm, trưng bày...) và tự túc sản xuất sau mỗi đợt hoạt động hay chiến đấu.

## **2. Đẩy mạnh học tập chính trị, xây dựng quyết tâm trong tác chiến, đánh tháp canh địch**

Từ đầu năm 1948 ở miền Đông Nam Bộ, thực dân Pháp chuyển hướng tập trung vào công tác bình định và thực hiện kế hoạch De Latour với hệ thống tháp canh, đồn bót dọc các trục lộ giao thông. Đồng thời phát triển

hệ thống tháp canh làm phương tiện lấn sâu vào vùng vùng du kích và căn cứ của ta; đẩy mạnh chiến tranh tâm lý và chiến tranh gián điệp.

Theo chỉ đạo của Khu, công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hoà tập trung vào nội dung: Tuyên truyền cho cán bộ, chiến sĩ nắm chắc âm mưu thủ đoạn của giặc; học tập lý luận nâng cao bản lĩnh chính trị, phát huy tinh thần chiến đấu và sáng tạo góp phần đánh bại chiến thuật “vết dầu loang”, “tằm ăn lá dâu” của địch; tăng cường công tác dân vận, xây dựng cơ sở hậu phương vững chắc, hỗ trợ quần chúng chống phá âm mưu dồn dân, bình định của địch, bảo vệ các cơ quan, căn cứ và tính mạng, tài sản của nhân dân. Đặc biệt tăng cường công tác vận động dân tộc thiểu số ở địa phương.

Để thực hiện nhiệm vụ này, Tỉnh ủy, Tỉnh đội Biên Hoà, Ban chỉ huy trung đoàn 310 đã phát động phong trào “Luyện quân lập công và thi đua ái quốc” trong toàn quân, lực lượng vũ trang. Các phong trào bình dân học vụ, chống mù chữ, xây dựng đời sống mới, triển khai lực lượng bảo vệ nhân dân sản xuất nông nghiệp, đi đôi là phong trào phá hoại kinh tế địch.. đều được các đơn vị từ bộ đội đến dân quân du kích triển khai cả ở vùng căn cứ, vùng du kích.

Năm 1948, các đơn vị vũ trang vừa tác chiến vừa tuyên truyền, tập hợp được 1.499 đồng bào dân tộc thiểu số vào tổ chức đoàn thể kháng chiến; bảo vệ 13.020 héc-ta lúa và 1.113 héc-ta rẫy, thu hoạch trên 261.990 lít gạo.

Trong thi đua giết giặc, các đơn vị đều triển khai các kế hoạch tấn công địch đi càn quét, tấn công đồn, bót địch; triển khai bảo vệ công tác tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân xã, thành lập Ủy ban kháng chiến hành chính xã ở 22 xã vùng căn cứ, 78 xã vùng du kích và tạm chiếm.

Trong phong trào thi đua, nổi lên tinh thần chiến đấu và sáng tạo của đội du kích Tân Uyên khi triển khai nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là phải đánh cho được tháp canh, phá chiến thuật Đờ La-tua của Pháp.

Với quyết tâm kháng chiến cao, và thực hiện chỉ thị của huyện đội Tân Uyên, đội du kích Tân Uyên do đồng chí Trần Công An đặt nhiệm vụ và quyết tâm đánh cho được tháp canh cầu Bà Kiên trên đường 16. Muốn đánh được tháp canh thì phải nắm được địch. Từ nhận định đó, du kích đã xây dựng được nhiều cơ sở ở xung quanh tháp canh. Thông qua các cơ sở quần chúng, du kích nắm được số lượng địch giữ tháp (10 tên), quy luật canh gác, giờ đổi gác, đổi ca của chúng. Đó là một tháp canh cao gần 10 mét tường gạch gồm hai tầng, có lỗ châu mai xung quanh, bốn góc tháp trên cao có 4 đèn rọi sáng bằng pin.

Được sự động viên của chính trị viên Huyện đội, đồng chí Trần Công An và đội du kích Tân Uyên đã tổ chức thực tập cách xâm nhập vào tháp canh có hàng rào bảo vệ xung quanh. Vấn đề đặt ra là ta không có vũ khí lớn có thể đánh tường tháp. Từ thực tế đó, các du kích Tân Uyên nghiên cứu chỉ có thể đánh được tháp canh

khi tiếp cận được chúng và dùng lựu đạn đánh vào các lỗ châu mai diệt địch bên trong.

Các đồng chí lựa chọn một cây độc mộc trong rừng để thực tập cách tiếp cận, người trên cao soi đèn pin, người ở dưới nghi trang bằng cách trát bùn khắp người để áp sát, dùng cây chống hàng rào kẽm gai cho du kích bí mật trườn qua và cách dùng thang cây bó vải hai đầu để áp vào tường tháp không gây tiếng động, rồi dùng lựu đạn ném vào tháp diệt địch.

Đêm 18 rạng sáng 19 tháng 3 năm 1948, đồng chí Trần Công An và các đồng chí Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên cùng một số du kích làm công tác cảnh giới, đã bí mật leo thang cây, dùng lựu đạn đánh tháp canh cầu Bà Kiên như phương án đã thực tập. 10 tên lính trong tháp đều bị diệt, ta thu 8 súng và 20 lựu đạn.

Địch hoàn toàn bất ngờ khi tháp canh cầu Bà Kiên bị đánh diệt. Trận đánh đã thể hiện được quyết tâm và tính sáng tạo của du kích Tân Uyên, đồng thời mở ra một khả năng hình thành cách đánh mới có thể phá hệ thống tháp canh của Pháp ở Đông Nam Bộ.

Tháng 2 năm 1949, Hội nghị chính trị viên và bí thư chi bộ trong các lực lượng vũ trang Nam Bộ được tổ chức do đồng chí Lê Duẩn chủ trì và giảng dạy. Các bài giảng về đường lối kháng chiến trường kỳ, công tác đảng trong lực lượng vũ trang, công tác cán bộ, công tác dân vận, binh địch vận... góp phần nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng và công tác chính trị cho các đồng chí chính trị viên. Tháng 4 năm 1949, phái đoàn của Trung ương vào

Nam Bộ, mang theo nhiều tài liệu<sup>1</sup>, thư Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang. Những sự kiện này có ý nghĩa quan trọng để Đảng ủy, Ban chỉ huy Trung đoàn 310 Biên Hòa hoàn thiện công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang, sửa đổi tư tưởng và lề lối làm việc, xây dựng lực lượng vũ trang 3 cấp, tăng cường sức mạnh chiến đấu của các lực lượng.

Ngày 18 tháng 8 năm 1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: “Cuộc chiến tranh của ta đã chuyển sang giai đoạn cầm cự và chuẩn bị tổng phản công”. Để thực hiện nhiệm vụ xây dựng phát triển quân đội, đặc biệt về chính trị tư tưởng, ngày 29 tháng 8 năm 1949, Xứ ủy Nam Bộ ra nghị quyết về việc lãnh đạo Đảng trong quân đội. Nghị quyết gồm 3 phần chính: Củng cố, thống nhất lãnh đạo Đảng trong quân đội; Công tác tổ chức, tuyên truyền, huấn luyện, lãnh đạo; Công tác thi đua rèn luyện cán bộ chính trị quân đội.

Trung đoàn 310 đã chỉ đạo mở đợt luyện quân lập công, luyện quân không chỉ về kỹ, chiến thuật tác chiến mà cả về chính trị tư tưởng, tổ chức, kỷ luật nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, xác định nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn “tích cực cầm cự, chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công”. Qua đợt huấn luyện, công tác xây dựng Đảng trong lực lượng vũ trang được tăng cường. Mỗi

---

<sup>1</sup> Như tác phẩm “Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi”, “Huấn lệnh Nam Bộ” của Bộ Tổng Tư lệnh, huấn lệnh “Phát động du kích chiến tranh, nhiệm vụ quân sự căn bản trong giai đoạn này”...

quan hệ giữa quân-dân-chính-đảng trở nên gắn bó hơn. Các đơn vị khi về địa phương đều gắn với các chi bộ Đảng cơ sở để triển khai các nhiệm vụ và được chi bộ và cơ sở tận tình giúp đỡ, hỗ trợ. Chi bộ Đảng của Đại đội Lam Sơn là một trong những tổ chức Đảng hoạt động tốt và có nền nếp. Chi bộ có 12 đảng viên, chi ủy 3 đồng chí, chính trị viên Đại đội đồng thời là Bí thư Chi bộ Đảng. Các trung đội tổ chức một phân chi bộ (Tổ đảng), các tiểu đội đều có đảng viên nòng cốt. Sinh hoạt Chi bộ 3 tháng tổ chức họp một lần; tổ đảng họp mỗi tháng 1 lần.

Trung đoàn cho xuất bản tờ thông tin trung đoàn, ra hàng tuần (in ronéo), thành lập đoàn hát bội của trung đoàn để tăng cường hoạt động văn hoá văn nghệ trong đơn vị; đồng thời xây dựng trường thiếu sinh quân của Trung đoàn nhằm đào tạo cán bộ trẻ cho kháng chiến. Trường thiếu sinh quân của Trung đoàn tập hợp gần 100 thiếu niên, được học tập văn hoá, học chính trị và quân sự. Nhiều học sinh từ trường Thiếu sinh quân trở thành cán bộ, chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang của tỉnh, huyện.

Cuối tháng 11 năm 1949, thực dân Pháp tăng cường công cuộc bình định Nam Bộ, mà miền Đông là trọng tâm, đi đôi mở rộng vùng kiểm soát bằng việc phát triển hệ thống tháp canh. Tháp canh không chỉ được chúng xây dựng dọc đường giao thông, mà bình định đến đâu thì dịch xây dựng tháp canh đến đó, cả trong những vùng du kích, lấn sâu vào vùng căn cứ kháng chiến nhằm tiến tới cô lập và tiêu diệt căn cứ. Tình hình đó gây khó khăn cho kháng chiến về giao

thông liên lạc và cả về tiếp tế lương thực. Khu ủy, Bộ Tư lệnh Khu xác định đánh diệt tháp canh trở thành một nhiệm vụ chính trị trung tâm của miền Đông.

Tháng 11 năm 1949, từ kinh nghiệm đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên, Bộ Tư lệnh Khu 7 phối hợp với Tỉnh đội Biên Hòa mở hội nghị chuyên đề về đánh tháp canh. Trong hội nghị, nhiều địa phương đã trình bày kinh nghiệm thực tế của đơn vị mình trong việc đánh tháp canh (như dùng hỏa công, xây đập dùng nước cho ngập tháp...), đặc biệt cách đánh bí mật áp sát của du kích Tân Uyên được đánh giá có hiệu quả nhất. Đồng chí Nguyễn Văn Lung, Tham mưu trưởng Khu 7 chủ trì hội nghị kết luận, từ thực tiễn của du kích Tân Uyên đã rút ra được nhiều bài học: Muốn đánh được tháp canh phải bí mật tiếp cận được tháp và có vũ khí đánh thủng tường tháp. Đồng thời Bộ Tư lệnh chỉ đạo mở lớp tập huấn tháp canh. Tỉnh đội Biên Hòa huy động 300 chiến sĩ, du kích ưu tú từ các địa phương trong tỉnh về dự. Về dự lớp huấn luyện, cán bộ, chiến sĩ đều được quán triệt về âm mưu bình định của thực dân Pháp, thủ đoạn của thực dân trong việc xây dựng hệ thống tháp canh; để từ đó xác định trách nhiệm học tập, nỗ lực trong việc rèn luyện kỹ thuật. Tất cả chia làm 50 tổ (mỗi tổ 6 người) tập luyện kỹ thuật vượt vòng rào bảo vệ tiếp cận tường tháp và cách xử dụng loại mìn lôm do khoa quân giới Khu 7 sản xuất. Lớp tập huấn đánh tháp canh triển khai trong 3 tháng.

Trước đó, ngày 11 tháng 8 năm 1949, Bộ Tư lệnh Nam Bộ ra mệnh lệnh 137/ML-NB xúc tiến việc thành

lập các liên trung đoàn, xây dựng các tiểu đoàn tập trung, đại đội độc lập.

Tháng 11 năm 1949, Liên trung đoàn 301-310 được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai trung đoàn 310 (Biên Hoà) và 301 (Thủ Dầu Một). Đồng chí Nguyễn Văn Thi (Năm Thi) được cử làm Liên trung đoàn trưởng. Chính ủy Liên trung đoàn là đồng chí Nguyễn Quang Việt. Tiểu đoàn Quốc Tuấn của Trung đoàn 310 được chọn là đơn vị nòng cốt để xây dựng Tiểu đoàn tập trung của Liên trung đoàn với phiên hiệu Tiểu đoàn 302 do Phạm Quang Thuần làm Tiểu đoàn trưởng, Lê Xuân Lựu làm Chính trị viên.

Đi đôi với việc thành lập Liên trung đoàn, Tỉnh ủy Biên Hoà chỉ đạo củng cố các cơ quan quân sự địa phương và lực lượng vũ trang các huyện. Tỉnh đội được tăng cường thêm cán bộ, tổ chức đủ các ban chuyên môn, trong đó Ban chính trị được bổ sung nhiều cán bộ. Du kích tập trung các huyện được bổ sung cán bộ, quân số phát triển thành bộ đội địa phương huyện. Lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hoà chính thức được tổ chức thành ba cấp từ tỉnh xuống huyện, xã<sup>1</sup>.

Các đợt luyện quân lập công, đi đôi với chỉnh quân đã nâng cao sức mạnh chính trị tư tưởng bộ đội. Vũ

---

<sup>1</sup> Huyện Tân Uyên một đại đội vũ trang, lấy tên Nguyễn Văn Nghĩa. Huyện Vĩnh Cửu một đại đội địa phương, một trung đội du kích. Huyện Long Thành một đại đội địa phương. Huyện Xuân Lộc 5 tiểu đội vũ trang tuyên truyền. Thị xã Biên Hòa một trung đội vũ trang tuyên truyền, một trung đội biệt động.

trang tỉnh và các huyện liên tục lập công: đánh đường sắt, đánh chống càn bảo vệ căn cứ, đánh kho xăng dầu, đánh các cơ quan đầu não địch trong thị xã, tấn công binh vận...

Đêm 21 rạng sáng 22 tháng 3 năm 1950, sau 3 tháng huấn luyện, Bộ Tư lệnh khu 7 quyết định tổ chức đánh đồng loạt 50 tháp canh của thực dân Pháp trên các quốc lộ 1, tỉnh lộ 24, 16, quốc lộ 15... Tất cả 50 tháp canh đều bị đánh thủng một lỗ rộng 0,6 đến 1,5 mét nhưng không tháp nào bị đánh sập. Trận đánh thắng lợi nhưng chưa trọn vẹn, tác động không ít đến tư tưởng những chiến sĩ vừa tham gia trận đánh.

Để giải quyết vấn đề tư tưởng, đồng thời tìm ra cách đánh tháp canh hiệu quả hơn, Bộ Tư lệnh Khu 7 và Tỉnh đội Biên Hòa đã mở hội nghị rút kinh nghiệm dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Văn Lung, Tham mưu trưởng khu. Từ thực tiễn trận đánh, Hội nghị kết luận: có thể rút gọn tổ đánh tháp từ 5 người xuống 3 người; đồng thời có thể đánh sập tháp canh nếu ta đánh bồi thêm một quả mìn vào lỗ thủng của tường tháp. Khoa quân giới Khu 7 đã nghiên cứu hoàn thiện loại mìn đánh tháp canh gọi tên là FT (phá tường) và một loại mìn đánh bồi gọi là bê-ta.

Bộ Tư lệnh chỉ đạo đội du kích Tân Uyên do đồng chí Cổ Tấn Chương chỉ huy sẽ mở đầu cho cách đánh mới với đối tượng là tháp canh cầu Bà Kiên trên tỉnh lộ 16. Mặc dù đã thực tập, nhưng tổ du kích vẫn chưa tin tưởng vào hiệu quả của bê-ta, quyết định mang theo một

xâu lựu đạn và một thùng dầu lửa 20 lít phòng khi tháp không sập thì đánh bồi và phóng hoả đốt tháp.

Đêm 19 rạng sáng 20 tháng 4 năm 1950, du kích bắt đầu trận đánh dưới sự chỉ huy trực tiếp của Cổ Tấn Chương và sự quan sát chỉ đạo của Bùi Cát Vũ, Tỉnh đội phó Biên Hòa. Trận đánh đã diễn ra như kế hoạch. Tháp canh cầu Bà Kiên hoàn toàn sụp đổ chỉ với quả FT và bê-ta. Ngày 5 tháng 5 năm 1950, tổ du kích Tân Uyên tiếp tục đánh sập tháp canh Vàm Giá trên quốc lộ 14, diệt 1 trung đội Lê dương thu 27 súng và nhiều quân trang quân dụng.

Trận đánh sập tháp canh Bà Kiên lần thứ 2 và tháp canh Vàm Giá tạo ra một không khí phấn chấn, tin tưởng trong Bộ Tư lệnh Khu 7, Tỉnh đội Biên Hòa và toàn lực lượng vũ trang. Theo chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Khu, Tỉnh đội Biên Hòa đã cử nhiều cán bộ, chiến sĩ ưu tú có kinh nghiệm đánh tháp canh phổ biến kỹ thuật đánh tháp canh trong các địa phương. Sau đó ta đánh hạ hàng loạt tháp canh của thực dân trên quốc lộ 1, quốc lộ 15, tỉnh lộ 16, 24... rồi mở rộng đánh tháp canh khác ở các tỉnh Thủ Dầu Một, Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Mỹ Tho... Thắng lợi của việc đánh tháp canh ở Biên Hòa mở ra một khả năng đánh bại hệ thống tháp canh của thực dân. Trong chiến dịch Bến Cát tháng 10 năm 1950, đồng chí Huỳnh Văn Rỡ và Nguyễn Văn Rê - chiến sĩ tiểu đoàn 302 đã sử dụng kỹ thuật tiềm nhập bí mật đồn bót Rạch Kiến, dùng bê-ta bỏ vào nòng pháo 155 ly phá hư khẩu pháo này. Chiến công của đồng chí Rỡ và Rê đã góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện